

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/DS-PT
Ngày: 06/6/2024
Về việc: Tranh chấp
quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quý My;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và ông Hoàng Văn Giang.
- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2023/TLPT - DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/QĐPT - DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Thế C, sinh năm 1998, (vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lương Ngọc H, sinh năm 1965, (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ dân phố E, phường B, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1968, (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường B, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969, (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường B, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng: Bà Bá Thị H1, sinh năm 1957 và anh Nguyễn Đình H2, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường B, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, bản án sơ thẩm và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lương Thế C, người đại diện theo uỷ quyền ông Lương Ngọc H đồng quan điểm trình bày: Năm 2018 anh Lương Thế C có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ anh Nguyễn Đình H2 và chị Tạ Thị D thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 7 (D), diện

tích 200 m², địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố Y, phường B, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 26/7/2018 đã được

văn phòng Đ (nay là thành phố) Phổ Yên điều chỉnh sang tên Lương Thế C (tại trang 3) của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 123416. Về ranh giới thửa đất số 1371, tờ bản đồ địa chính số 7 (Da 13) mà anh C nhận chuyển nhượng của gia đình anh H2 và thửa đất số 519, tờ bản đồ số 7 (Da 13) của gia đình ông Lê Văn L tại thời điểm nhận chuyển nhượng được xác định bằng bờ tường xây cũ do gia đình ông L xây dựng từ năm 1993. Năm 2022 gia đình ông L đã phá bỏ hàng rào gạch xây cũ để xây tường rào mới, khi xây hàng rào mới thì ông L đã xây lấn chiếm sang phần đất của gia đình anh C khoảng 6 m². Khi gia đình ông L tiến hành xây dựng tường rào mới, anh C đã yêu cầu gia đình ông L xây đúng ranh giới của hai gia đình nhưng ông L không đồng ý, cố tình xây dựng sang phần đất nhà anh. Anh C đã rất nhiều lần yêu cầu gia đình ông L trả lại phần đất lấn chiếm nhưng gia đình ông L không trả. Sau khi sự việc xảy ra anh đã báo chính quyền và gửi đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đến Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố P, để phường tiến hành giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định. Ủy ban nhân dân phường B cùng chính quyền địa phương đã đến hiện trạng lập biên bản làm việc vào ngày 24/4/2022 đã thể hiện rõ phần tường rào cũ của gia đình ông L được xác định qua các điểm ADC (bức tường cũ ông L đã phá vẫn còn nguyên gia đình ông đã chụp ảnh lại). Ủy ban nhân dân phường B đã tiến hành hoà giải 02 lần nhưng không thành do ông L vắng mặt. Theo kết quả đo đạc và kiểm tra thì hiện nay thửa đất của ông còn thiếu hơn 10 m², tuy nhiên ông chỉ yêu cầu ông L phải trả lại cho ông diện tích đúng như kết quả đo đạc xác định là 5,3 m² và yêu cầu ông L phải phá bỏ phần tường rào mới xây trên phần đất đó để trả lại cho anh toàn bộ phần đất đã lấn chiếm và xác định ranh giới giữa hai thửa đất (ông C đã có hình ảnh chụp lại bức tường xây cũ của gia đình ông L giao nộp trong hồ sơ vụ án).

Tại bản tự khai và tại phiên toà bị đơn ông Lê Văn L trình bày: Từ khi ông sinh ra ông ở cùng bố mẹ ông tại thửa đất 519 giáp với thửa đất của nhà bà H1. Đến năm 1993 ông được bố mẹ để của ông tặng cho một mình ông toàn bộ thửa đất trên, cùng năm 1993 ông đã xây dựng bờ tường rào giáp với thửa đất nhà anh H2 là thửa 1371 (sau này chuyển nhượng cho anh C con ông H), để bảo vệ tài sản và vật nuôi, nhưng vì góc tường (phần đang tranh chấp) vướng bụi tre nên ông đã xây vòng vào trong vườn. Nay ông xây lại đoạn bờ rào đó cho hết phần đất còn lại của gia đình ông và ông đã xây trên phần đất của gia đình ông, ông không lấn chiếm sang đất của ai, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh C. Việc bà H1, anh H2 bán cho ai ông không biết, ông không mua bán gì với ông L, anh C.

Tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Nhất trí với lời trình bày của ông L, bà về làm dâu nhà ông L từ năm 1988. Đến năm 1993 thì gia đình bà đã xây bức tường rào cũ khi xây thì gia đình bà để lại một phần đất trên đó có một bụi tre không xây. Khi gia đình ông L mua đất của gia đình bà H1 lúc nào thì bà không biết. Khi gia đình bà phá tường cũ xây bức tường mới thì bà H1 còn bảo bà xây thẳng ra cho đẹp. Gia đình tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Phổ Yên xác định: Thửa 1371, tờ bản đồ số 7 (D); Phía Bắc

giáp đất nhà bà H1; Phía Nam giáp đất nhà ông Dương Văn C1, Phía Đông giáp đường dân sinh, Phía Tây giáp đường và giáp đất nhà ông L; Tại phần đất đang tranh chấp: 01 đoạn tường xây gạch chỉ D110 bờ trụ, dài 6,44 m, cao 2,33 mét; phía trong diện tích đang tranh chấp (phần trong nhà ông L) hiện có một đoạn tường cũ, phần gốc tre cũng được nằm trong phía tường cũ của gia đình ông L).

Sơ đồ thể hiện do công ty cổ phần T và xây dựng số 6 đo vẽ thể hiện: Diện tích hiện trạng của thửa đất 1371 là 189,3 m² (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 200 m²) có 5,3 m² nằm trên thửa 519 được thể hiện qua các điểm a,b,c,4,3,a.

Biên bản định giá ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xác định: Phần đất đang tranh chấp thuộc trục đường Đ, đoạn từ tỉnh lộ 261 nhà ông V qua nhà văn hóa tổ dân phố Y1 đến kênh núi cóc có trị giá (6 m² x 1.500.000 đồng/m²) = 9.000.000 đồng (chín triệu đồng); 01 đoạn tường rào xây gạch chỉ D110 bờ trụ dài 6,44 m cao 2,33 m có thể tích là 1,65 m³ xây dựng năm 2022 giá trị (1.597.000 đồng x 1,65 m³) = 2.635.000 đồng. Tổng giá trị là 11.635.000 đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147;157,165, 271,272, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Điều 166, 174, 175, 176, 246,248 Bộ luật dân sự; Điều 170,171 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lương Thế C đối với ông Lê Văn L.

Buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho anh Lương Văn C2 5,3 m² đất thổ cư tại thửa 1371, tờ bản đồ số 7 (D) vị trí thửa đất tại tổ dân phố Y, phường B, Thành phố P, được xác định theo sơ đồ do công ty cổ phần T và xây dựng số 6 đo vẽ thể hiện qua các điểm a,b,c,4,3,a (có sơ đồ đo đất kèm theo bản án).

2. Buộc ông L, bà N phải phá bỏ toàn bộ đoạn tường xây trên diện tích 5,3 m² để trả lại mặt bằng đất cho anh C2.

3. Ranh giới giữa hai thửa đất 1371 của anh C2 và thửa đất 519 của gia đình ông Lâm p tranh chấp được xác định đúng theo bức tường rào cũ mà gia đình ông L đã xây dựng vẫn còn hiện trạng.

4.Về chi phí xét thẩm định và đo đất ông C2 đã tự nguyện chi phí xong và không yêu cầu xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn xử lý về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 06/10/2023 ông Lê Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lê Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất. Bị đơn trú tại tổ dân phố Y, phường B, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, đất đang tranh chấp tại phường B, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên là đúng.

- Đơn kháng cáo của bị đơn phù hợp quy định tại điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thấy: Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/7/2018 giữa ông Nguyễn Đình H2, bà Tạ Thị D với ông Lương Thế C xác định ông H2 và bà D đã chuyển nhượng cho ông C thửa đất số 1371, tờ bản đồ Da13, diện tích 200 m² đất ONT, đã được công chứng tại phòng C3, tỉnh Thái Nguyên, các bên đã thanh toán đầy đủ và thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật. Ngày 26/7/2018 đã được chi nhánh văn phòng Đ (nay là thành phố) Phổ Y xác nhận (Anh C không đề nghị cấp giấy chứng nhận mới). Sau khi chuyển nhượng xong anh C đã được ông H2 và bà D chỉ giới và giao đất tại thực địa, khi chuyển nhượng các bên đã xác định rõ vị trí và ranh giới của thửa đất được xác định giáp với phần tường xây cũ của gia đình ông L tại thửa 519, bên cạnh đó anh C cũng mời chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố P đến kiểm tra và trích đo cụ thể (có sơ đồ đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố P. Thể hiện thửa đất có diện tích là 200 m²).

Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 24/4/2022 của Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố P “Về việc tạm dừng xây dựng công trình trên đất để giải quyết theo đơn đề nghị của ông Lương Thế C. Tại biên bản đã xác định: Sau khi nhận được đơn đề nghị của ông Lương Thế C, Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố P cùng hai

hộ gia đình ông C và ông L tiến hành kiểm tra, xác minh tại thực địa. Qua kiểm tra hiện gia đình ông L ở tổ dân phố Y, phường B đang tiến hành xây dựng bờ tường ranh giới phần giáp ranh giữa thửa đất số 519 của gia đình ông và thửa đất số 1371 của gia đình ông Lương Thế C. Thời điểm kiểm tra gia đình ông L đã xây bờ tường ranh giới ra ngoài so với ranh giới là bờ tường cũ khoảng 6 m² (chiều dài tường xây là 6,54 mét, chiều cao là 2,5 mét) xây tường bổ trụ và yêu cầu gia đình ông L tạm dừng việc xây dựng tường ranh giới, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất, cung cấp toàn bộ giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất của hai hộ gia đình để UBND phường làm căn cứ để giải quyết. Theo sơ đồ hiện trạng xác định qua các điểm ABC=6,54 m là chiều dài tường ông L xây dựng mới (xây dựng tường 10, bổ trụ, xây cao 2,5 m bằng gạch chỉ đỏ đặc), điểm ADC = 5,15 mét là bờ tường cũ của gia đình ông Lê Văn L tháo dỡ hiện trạng còn móng. Diện tích tranh chấp là 6 m² (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Phố Yên xác định: Thửa 1371, tờ bản đồ số 7 a Phía Bắc giáp đất nhà bà H1; Phía Nam giáp đất nhà ông Dương Văn C1, Phía Đông giáp đường dân sinh, Phía Tây giáp đường và giáp đất nhà ông L. trên phần đất đang tranh chấp: 01 đoạn tường xây gạch chỉ D110 bổ trụ, dài 6,44 m, cao 2,33 mét; phía trong diện tích đang tranh chấp (phần trong nhà ông L) hiện có một đoạn tường cũ, phía trong bức tường cũ còn có gốc tre.

Sơ đồ thể hiện do công ty cổ phần T và xây dựng số 6 đo vẽ thể hiện: Diện tích hiện trạng của thửa đất 1371 là 189,3 m² (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 200 m²) có 5,3 m² nằm trên thửa 519 được thể hiện qua các điểm a,b,c,4,3,a.

[3] Xét tính pháp lý của thửa đất 1371: Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 7 (D), diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 200 m² được cấp tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 123416 cấp ngày 21/6/2013, cấp cho hộ ông Nguyễn Đình H2 và bà Tạ Thị D. Ngày 26/7/2018 chuyển nhượng cho ông Lương Thế C theo hồ sơ số CN 112 được xác nhận của chi nhánh văn phòng Đ (nay là thành phố) P, đảm bảo trình tự, thủ tục do Luật đất đai quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét diện tích đất tranh chấp và ranh giới giữa hai thửa đất: Phần diện tích 5,3m² đất đang tranh chấp được thể hiện tại thửa đất số 1371 do công ty cổ phần T và xây dựng số 6 đo vẽ vào ngày 14/6/2023 cũng phù hợp với biên bản kiểm tra của UBND phường B sơ họa vào ngày 24/4/2022 theo sự chỉ dẫn ranh mốc của các bên đương sự và cũng như sơ đồ đo vẽ do chi nhánh V1 đăng ký đất đai Thành phố P thực hiện vào ngày 14/6/2018 xác định diện tích thửa đất 1371 có diện tích là 200 m². Theo hiện trạng thì thửa đất 1371 của anh C đang thiếu 10,7 m².

Theo Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về ranh giới giữa các bất động sản như sau:

“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa Thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp.

Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.

2. Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm các việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đã được xác định; nếu rễ cây, cành cây vượt quá ranh giới thì phải xén rễ, cắt, tỉa cành phần vượt quá, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Tại bản tự khai và tại phiên toà bị đơn ông L xác định đoạn tường ranh giới của gia đình ông xây cũ đã được chính ông xây dựng từ năm 1993 và trước đó thì bố mẹ đẻ của ông cũng đã sử dụng từ hàng mấy chục năm trước. Tuy nhiên ông lại cho rằng khi xây dựng thì gia đình ông còn để lại 01 bụi tre không xây quây lại đến năm 2022 thì ông mới chặt tre để xây lại tường rào mới. Tuy nhiên theo lời trình bày của chủ đất cũ là mẹ đẻ ông H2 và chính ông H2 xác định ranh giới toàn bộ thửa đất giữa gia đình bà từ khi chưa chuyển nhượng cho anh C vẫn được xác định bằng hàng rào tường xây cũ do chính tay ông L xây dựng, các bên xử dụng ổn định và không có tranh chấp cho đến năm 2022 thì ông L lại phá tường cũ và xây tường mới đồng thời đã xây lấn vào phần đất tại thửa 1371 mà ông H2 đã chuyển nhượng cho ông C đúng như trình bày của ông C tại đơn khởi kiện.

Xét về hình thể thửa đất được thể hiện theo trích đo của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai ngày 16/4/2018 thì phần đất tiếp giáp với thửa 519 của ông L là cạnh hơi gấp khúc chứ không phải là cạnh vuông góc như hiện nay ông L đang xây dựng.

Mặt khác quá trình Toà án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã yêu cầu gia đình ông L cho tiến hành kiểm tra và đo đạc toàn bộ thửa đất 519 nhưng phía gia đình ông L không cho đo đạc cũng như cản trở quá trình làm việc của Toà án. Ngoài ra, ông L và bà N không khẳng định được đất của gia đình ông bị thiếu cũng như không yêu cầu đo đạc và cũng không đồng ý cho Toà án tiến hành đo đạc.

Với những tài liệu chứng cứ đã thu thập được và những phân tích nêu trên có đủ căn cứ để xác định gia đình ông L đang lấn chiếm 5,3 m² đất thổ cư tại thửa 1371 của anh Lương Thế C. Do vậy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, buộc ông L, bà N phải trả lại cho anh C 5,3 m² đất theo đúng sơ đồ trích đo được thể hiện qua các điểm a, b, c, 4, 3, a và buộc ông L, bà N phải tháo dỡ phần tường đã xây trên diện tích đất trên để trả lại mặt bằng đất cho anh C là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Về chi phí đo đất, xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và phí đo đạc nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu phí dân sự phúc thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí: ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm sung ngân sách Nhà nước, được chuyển từ biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001268 ngày 09/10/2023 của chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Phổ Yên sang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Phổ Yên;
- Chi cục THADS TP Phổ Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quý My